

# KÝ SỰ PHIM ẢNH VÀ ĐỊA SỬ TRONG VĂN CHƯƠNG PHẦN III: NAM KỲ LỤC TỈNH

**Trần Văn Nam**

*Gạo Cần Đước, nước Đồng Nai  
Ai về xin nhớ cho ai theo cùng  
(Ca dao)*

*Lửa hồng Nhật Tảo kinh thiên địa  
Kiếm bạc Kiên Giang khắp quẻ thân.  
(Huỳnh Mẫn Đạt?)*

Cần Đước và Nhật Tảo có liên hệ đến hai dòng sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, cả hai dòng chảy suốt chiều dài qua tỉnh Long An, chảy ngang những cây cầu mà ta thường qua khi đi về Miền Tây: cầu Bến Lức (Vàm Cỏ Đông) và cầu Tân An (Vàm Cỏ Tây). Hai dòng sông nước khá xanh vì ít phù sa, trừ mùa nước nổi nước tràn ngập từ Tiền Giang đổ qua Đồng Tháp Mười rồi dồn về hai dòng sông, chúng gặp nhau tại Cần Đước, tại đây có bến phà đi sang Gò Công, và dòng hợp lưu đổ ra biển phía Cần Giờ. Gạo Cần Đước nổi tiếng thơm ngon nên mới có câu ca dao như vậy. Các loại gạo nổi tiếng mang tên Gạo Nàng Hương, Gạo Nàng Thơm, xuất xứ từ Cần Đước. Bến phà qua Gò Công tại đây cũng mênh mông vì là nơi hợp lưu hai dòng sông, mai này sẽ có cầu dự trù bắc qua đò sộ gần bằng cầu Mỹ Thuận. Nơi hợp lưu này còn có cái tên lạ là Ngã ba Bần Quỳ; vì hai bên bờ cây bần ngã rạp như quỳ xuống nhưng lá cành vẫn xanh tươi mãi; như tương ứng với sự tưởng nhớ thành tích của ông Mai Bá Hương đã đục thuyền giặc và đã hy sinh tại Ngã ba Bần Quỳ (không rõ giặc Xiêm thời Tây Sơn hay giặc Pháp thời Trương Định lập chiến khu ở đôi bờ Vàm Cỏ). Còn Nhật Tảo cũng là sông Vàm Cỏ

Đông ở một khúc có địa danh Nhật Tảo, tại đây anh hùng Nguyễn Trung Trực lập thành tích đốt tàu Pháp mang tên L'Espérance, nay còn di tích mảnh ván tàu bọc đồng. Về sau ông lãnh đạo kháng chiến chống Pháp tại Kiên Giang và đảo Phú Quốc, bị Pháp lập kế bắt và xử chém tại Kiên Giang. Ta dễ nhận ra khu vực sông này vì có một cống thoát nước rất lớn trên đó có ghi hàng chữ Cống Nhật Tảo. Bến phà Mỹ Lợi ở Cần Đước đi Gò Công mai này sẽ có cây cầu lớn gần chỗ hợp lưu hai sông Vàm Cỏ, đưa ta có dịp về thăm quê hương của bà Từ Dũ (mẹ vua Tự Đức); Nam Phương Hoàng Hậu (vợ vua Bảo Đại), quê hương của một công thần Nhà Nguyễn nay còn dinh thự cổ với biệt danh “Nhà Hoàng Gia”; quê hương của nhà văn Hồ Biểu Chánh; quê hương của người dựng xây Nhà thờ Huyện Sỹ tại Sài Gòn; nơi mà người viết bài này (lúc học lớp Đệ Thất năm 1952) có lần trú ngụ chỉ một ngày mà cảm tưởng mơ hồ đó là bờ biển hoang vắng làm bối cảnh cho cuốn tiểu thuyết tình thấy cũng hay mà không ai nhắc đến bây giờ, cuốn “Rừng Thảm Biển Khơi” của Ngọc Sơn (DVD: *Việt Kiều Về Quê Ăn Chơi- 6* do Vina Productions; và DVD *Mêkông ký sự*, số 17 tiểu tập 73, do PS và TL Productions).

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước  
Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.  
(Thơ Phan Văn Trị)*

*Đồng Tháp Mười bao la bát ngát  
Bưng sậy lên hoang  
Mùa nắng đất khô cỏ cháy  
Mùa mưa nước ngập lan tràn  
Cò trắng ngàn năm bay chẳng dứt  
Chân trời bốn mặt rộng thênh thang.  
(Thơ Nguyễn Bính)*

Bến Nghé và Đồng Nai ngút khói lửa tàn phá của quân Pháp trong thơ Phan Văn Trị nói về thời Pháp mới thôn tính ba tỉnh Miền Đông

Nam Bộ. Bến Nghé ở Sài Gòn và Đồng Tháp Mười ở một tỉnh xa phía Tây Bắc gần Campuchia tưởng như không có chung hệ thống thủy lưu, không liên hệ về sông nước, mà thật ra từ Sài Gòn ta có thể đi lên đó mà không cần đường bộ. Đi hoàn toàn bằng đường nước, từ sông chuyển qua những kinh đào thẳng tắp vượt đồng trống mênh mông. Ký sự phim ảnh chụp từ máy bay xuống cho ta thấy con kinh Bến Nghé (qua cầu Khánh Hội) và con Kinh Tê (qua cầu Tân Thuận) lấy nước từ sông Sài Gòn, hợp lưu tại Cầu Chữ Y rồi lại rẽ ra thành kinh Tàu Hủ và Kinh Đôi, rồi lại gặp nhau thành sông Bến Lức đi qua huyện Bình Chánh (có khu kinh tế mới Lê Minh Xuân); rồi nước sông Sài Gòn (bây giờ là nước sông Bến Lức) mãi miết đi bằng kinh đào, bằng các con sông bé nhỏ của thiên nhiên; nhập vào sông Vàm Cỏ Đông; miệt mài đi nữa bằng kinh đào nhập vào Vàm Cỏ Tây; tiếp tục với hai con kinh dài qua Đồng Tháp Mười là Dương Văn Dương và Nguyễn Văn Tiếp (tên cũ: Kinh Tổng Đốc Lộc); cuối cùng gặp gỡ Tiền Giang ở tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang). Con kinh mang tên Tổng Đốc hay con kinh mang tên Tỉnh Ủy (Nguyễn Văn Tiếp), và con kinh mang tên Đồng Tiến (như được đặt trong thời kỳ có chính sách lập ấp chiến lược của Tổng Tổng Ngô Đình Diệm), hay con kinh mang tên một thủ lĩnh Bình Xuyên sau theo kháng chiến chống Pháp (Dương Văn Dương): Tất cả cho ta thấy một Đồng Tháp Mười đã là không gian quân thảo của những lực lượng muốn kiểm soát và lực lượng muốn làm điểm tựa an toàn để trường kỳ chống cự. “Cò trắng ngàn năm bay chẳng dứt”, khi Nguyễn Bính viết lời thơ này lúc đi kháng chiến chống Pháp trong Đồng Tháp Mười, có lẽ lúc đó ông chưa biết Tràm Chim ở Đồng Tháp Mười còn có giống chim hạc đầu đỏ cũng muôn xưa hiện diện trên Trái Đất,

nhưng có một thời chúng ngưng bay ngang Đồng Tháp Mười vì tiếng súng chiến tranh. Bây giờ chúng quay lại để hy vọng cũng ngàn năm bay chẳng dứt trên bầu trời nơi đây. Tóm lại thì Đồng Tháp Mười hay các tỉnh Miền Tây ngày đêm vẫn có những ghe thuyền thương hồ từ Lục Tỉnh chở những nông sản hay cá mắm đến Sài Gòn bằng đường sông nước, chẳng vậy mà nhà văn Bình Nguyên Lộc cảm thương những ghe chài thỏ nào neo đậu ở Cầu Ông Lãnh, Bến Bình Đông, Xóm Củi; chiều chiều có gã làm công hoặc chính là chủ ghe ra khoang thuyền gảy chiếc độc huyền và cất giọng nói thơ nhớ nhà, vì muốn gia đình sung túc mà đôi mùa trong năm phải sống kiếp thương hồ... (DVD: *Mê không ký sự*, số 20 tiểu tập 91, PS và TL Productions).

*Tôi ở Hòn Khoai đi về Hòn Đá Bạc*

*Tôi trương buồm chạy lạc tới Hòn Nhum*

*Thấy lão tiều đón củi lum khum*

*Tôi hỏi ông lão chớ nào nùng tại ai?*

(Ca dao)

Ca dao vùng biển Phú Quốc thường nói đến Hòn, tức là những đảo nhỏ trong Vịnh Thái Lan phía Tây Cà Mau. Có những Hòn chớ vợ chỉ có một gia đình trú ngụ đã qua vài đời, như Hòn Nôm do ông Vương Văn Kiều đến định cư, sống bằng nghề chài lưới bắt cá đem vào đất liền bán, vậy mà ông có đến chín người con, con gái đầu lòng Ngọc Thắm bây giờ là “Chúa đảo” thế hệ thứ ba, bám giữ đảo theo lời trăng trối của ông nội. Những ngày mưa bão dữ dội, chồng và con lớn tấp vào một hòn nào đó trong biển bao la, thì là những lần Ngọc Thắm suốt đêm dài trần trọc lo sợ. Người nào xin cưới Ngọc Thắm và chịu ở lại hòn làm chúa đảo chắc chắn phải từ đất liền hay từ một đảo khác, chán cảnh đô hội đất liền hay buồn chuyện ngang trái, mới chịu từ bỏ tất cả để đến hòn đảo đơn độc này; và chắc chắn phải là người can đảm mới dám đảm trách sự

nghiệp chài lưới đánh bắt ngoài biển sóng gió. Hoặc đã “phải lòng” Ngọc Thắm khi nàng theo cha vào đất liền buôn bán cá tôm đánh bắt được, vì ký sự phim ảnh cho thấy Ngọc Thắm dù là người hải đảo mà cũng khá mặn mòi xinh đẹp. Cha Ngọc Thắm có đến chín người con, trong đó ít nhất cũng phải có vài người con trai, mà sao không ai nối nghiệp cha làm chúa đảo. Có thể vì Ngọc Thắm lớn nhất để có thể nghe lời trăng trối của ông nội phải giữ lấy đảo, các em ra đời sau thì ông nội đã mất. Tiếng gọi thiêng liêng từ người đã chết, tiếng gọi ngày đêm của trùng dương, tiếng gió ngàn đời thổi triền miên trên rặng dừa hải đảo đơn độc, phải chăng có sức thu hút siêu hình khiến Ngọc Thắm chịu hy sinh cho các em vào đất liền đi học và tìm sự nghiệp rồi già từ luôn hòn Nôm để cho một mình gia đình người chị vĩnh viễn làm người của hải đảo. Người viết bài này có một dịp đi trong vùng duyên hải Cà Mau, buổi chiều lướt qua đảo Hòn Tre thấy mây vắt ngang trên đảo, nước xanh ngả tím đại dương viền bờ cát trắng vòng chung quanh, từ biển nhìn vào với ấn tượng đảo thật chơ vơ. Nhưng Hòn Tre đã là một đảo khá lớn với dân số làm thành một xã, còn Hòn Nôm rất đơn độc chỉ đủ dành cho một gia đình, quả là nhỏ bé giữa biển cả bao la. Có con nhiều, khi con trưởng thành, vấn đề cưới gả chúng là điều lo nghĩ khó khăn cho cha trót lập nghiệp trên hòn mà lúc còn trẻ muốn phiêu lưu, muốn sống đời tự do một mình một cõi, khi ấy chưa hề nghĩ đến. Con trai thì dễ hơn, có khi lại mừng vì đã có thể hệ nối tiếp nghề biển. Con trai nhiều thì sắp xếp cho đứa nào vào đất liền đi học, đứa nào có khả năng và chí thích nghề đánh cá chài lưới. Nhà chỉ có con gái thì câu ca dao “Đến đây thì ở lại đây/ Chùng nào bén rễ xanh cây hãy về” phải là câu mời mọc với bao hứa hẹn ân cần mong có người ở rể nối nghiệp chúa đảo nhỏ nhoi trong Vịnh Thái Lan. Mà

hiếm khi nào trai trẻ độc thân đến những hòn chơ vơ ngoài biển, họa hoằn là những kẻ phiêu lưu hay những nhà nghiên cứu đại dương, kẻ phiêu thì sẽ còn tiếp tục phiêu lưu, nhà nghiên cứu thì mãi còn gắn bó với những cơ sở, những trường đại học trong đất liền. (DVD: *Du ngoạn Miền Tây*, do Trống Đồng Productions, và DVD: *Du Lịch Miền Biển Phú Quốc*, do T&T Productions).

*Thơm nào ngọt bằng thơm Tắc Cậu  
Dưa nào đỏ bằng dưa hấu Mỹ Lâm  
Chiếu Tà Niên anh trải cho em nằm  
Phải lương duyên chồng vợ thì ngàn năm cũng  
chờ.*  
(Ca dao)

Ta thường không phân biệt khóm (hay trái dứa) khác trái thơm như thế nào, nhưng người chuyên trồng thì biết rõ đất nào thích hợp cho trái khóm (vỏ ngoài có mắt nhỏ) và trái thơm (vỏ ngoài có mắt lớn). Người viết bài này có dịp đi dọc dài theo kinh Tà Niên từ Rạch Sỏi thông ra sông Cái Bé ở Rạch Giá, thường gặp những người quăng bùn từ dưới kinh lên bờ dọc hai bên lộ nhỏ để trồng trái thơm, vì có lẽ nơi đây thích hợp việc trồng trái thơm. Nước kinh Tà Niên mùa nắng, nước lợ nửa mặn nửa ngọt, vì cửa sông ra biển Rạch Giá rất gần ở đây. Phải chăng bùn ở nước lợ thích hợp trồng trái thơm. Trước 1975, con kinh này cũng là con đường thường có ghe vượt biên ra biển ở cửa sông Cái Bé, mặc dầu trên sông ra biển cũng có một hàng “đóng đáy” bắt cá giăng dài. Ngôi trường Vĩnh Hòa Hiệp ở trong khu chợ Tà Niên phía sau có những cây sao rất cao, buổi sáng phố chợ nhỏ vui khi tiếp nhận những học sinh các ngả đi qua bằng xuồng, vì xung quanh Tà Niên hội tụ vài con rạch cũng đầy nước trong mùa mưa. Kinh Tà Niên vào ban đêm khá ấm áp khi các ghe cá từ những hàng đáy đem về, thấy bên kia bờ kinh những hàng bần đom đóm đeo cùng khắp cành lá

chớp sáng chớp tắt, và vài trai trẻ quây quần dưới đèn ngoài hàng hiên làm bữa rượu với tôm tươi luộc từ hải sản mới đánh bắt, và đêm khuya gần sáng thỉnh thoảng thấy vài người còn thức lựa tôm cá chuẩn bị cho ngày mai đem ra chợ. Từ Tà Niên đi Tắc Cậu không xa, và Tắc Cậu là thị trấn sầm uất về nghề biển và nường rẫy trồng thơm quy mô. Ký sự phim ảnh cho ta hình dung phố xá Tắc Cậu thịnh vượng, đò chở học sinh qua lại với những tà áo trắng, với hàng quán đầy người, với các người làm nghề biển bận rộn khuân vác hải sản. Đa số dân ở đây là người Tiểu Châu, nhưng đã lâu đời định cư với nhiều thế hệ đi qua nên hầu như mọi người dân đều nói tiếng Việt. Từ Tà Niên đi ngược ra Rạch Sỏi cũng không xa. Đó là một thị trấn sầm uất đứng thứ ba sau Rạch Giá và Hà Tiên của toàn tỉnh Kiên Giang, nằm trên tuyến quốc lộ từ Sài Gòn xuống. Thời chiến tranh chống Pol Pot, thấy những đoàn xe Molotova với đại pháo màu xanh lá cây xâm nhập Kampuchia từ tuyến đường này. Từ Rạch Sỏi có bến ghe đò đi Miệt Thứ, Xẻo Quao, Xẻo Nhàu, ở Cà Mau. Những xẻo nhỏ và rạch thứ mấy đó cho ta hình dung vùng U Minh Hạ Cà Mau có nhiều công trình xẻ đất cho nước rửa phèn thoát ra Vịnh Thái Lan, đã có từ thời đi khai hoang mở cõi. Ký sự phim ảnh cho ta thấy con sông Trẹm tẻ ra những con kênh nhỏ mang tên rạch thứ 3 thứ 7 đi Xẻo Quao, thứ 8 thứ 9 thứ 10 đi tới biển, nhưng dọc dài bờ kênh vẫn thấy chòm xóm rải rác. Lại còn có rạch thứ 9 rươi hay xẻo để chỉ những dòng nước chưa đáng mang tên rạch, nhưng vẫn ngày đêm góp công rửa phèn và đẩy nước mặn đi bớt về vịnh biển. Cô gái miền sông nước Cửu Long về đây quả là vì tình yêu, đường sá cách trở bảy tám chục năm về trước nên đâu có cha mẹ nào muốn gả con đi xa, ngày nay nghe câu hát dân ca sao mà buồn:

*Em yêu anh nên đành xa xứ*

*Xuôi ghe chèo Miệt Thứ Cà Mau  
Đêm đêm ra đứng hàng ba  
Trông về quê mẹ lệ sa buồn buồn  
Bông bần rụng trắng bờ sông  
Lấy chồng xa xứ khó mong ngày về.  
(Hà Phương)*

(DVD: Du ngoạn Long Xuyên Rạch Giá Hà Tiên 2 – Rainbow Productions)

*Mười giờ tàu lại Bến Thành  
Súp lê vội thổi, bộ hành xô xao.  
(Ca dao)*

Súp-lê là còi tàu thủy phiên âm từ tiếng Pháp. Tại sao tàu thủy mà lại có thể thả neo trước chợ Bến Thành, tức công trường Quách Thị Trang ngày nay. Nguyên xưa kia, có lẽ hơn một trăm năm, đại lộ Hàm Nghi bây giờ chính là một con rạch thông nước từ sông Sài Gòn đến trước chợ Bến Thành. Ngoài những ghe thuyền đậu bến tấp nập, nơi đây còn là bến tàu hành khách đi trên hai tuyến thủy lộ xa; một từ Sài Gòn ra biển rồi lên cửa sông Tiền Giang đi tới Nam Vang (những địa điểm ở Nam Bộ được tàu ghé lại đổ rước hành khách: Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cái Tàu, Cao Lãnh, Hồng Ngự, Tân Châu, rồi tiếp tục lên Nam Vang. Tuyến thứ hai từ Sài Gòn cũng lên sông Tiền Giang như tuyến trước rồi vòng vào nhánh Vàm Nao ở Châu Đốc để đi qua sông Hậu Giang, xuôi dòng cho đến cửa sông ra biển mà về lại Sài Gòn (Các bến ghé: Mỹ Tho, Cái Bè, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cao Lãnh, Châu Đốc, Long Xuyên, Lai Vung, Ô Môn, Cần Thơ, Trà Ôn, Cầu Kè, Đại Ngãi – Theo tài liệu của nhà văn Sơn Nam trong cuốn Văn Minh Miệt Vườn). Ai đã từng ở các bến sông thị trấn nhỏ như Cái Tàu, Cao Lãnh, Trà Ôn, Cầu Kè, Đại Ngãi... mới biết nỗi mừng rỡ của người địa phương khi con tàu ghé lại. Tưởng tượng những ngày giờ tàu đến theo lịch trình, dân chúng hai bên bờ ra coi như ngày hội, như

đón sứ giả từ Hòn Ngọc Viễn Đông tới. Vì bảy tám chục năm trước thì đường lộ chưa mở mang giăng mắc như ngày nay, cuộc sống như tách rời với đô hội, lại không có phương tiện truyền hình, điện thoại di động, nên những tiến bộ của lối sống ở Sài Gòn không phải là cách sống như nhau ở khắp nơi. Ta nhớ trong truyện Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư của Sơn Nam, cả vùng Cà Mau chỉ có một độc giả báo Chim Trời phát hành ở Sài Gòn, mà độc giả ấy cũng không có tiền trả tiền mua báo dài hạn nên gọi ý với nhân viên báo (từ Sài Gòn lặn lội đến) xin trả bằng cá lóc, rùa, mật ong... Thời chiến tranh trước 1975, thỉnh thoảng trên sông có tàu đi biển thả neo, tàu sơn màu trắng lừng lững một khối nằm dài trên sông, đó là tàu bệnh viện chắc là của Mỹ đến công tác dân vận, cũng đã từng làm người dân vui với màu sắc hòa bình, tương phản với màu đen xám của các tàu hải quân và tiểu đỉnh cao tốc thường chạy xé nước trên sông Cửu Long. Cái gì lạ trên sông đều thấy dân túa ra hai bên bờ đứng coi, hình như phản ánh tâm trạng muốn có sự thay đổi nào đó trước những bình lặng hằng ngày của dòng sông lớn mãi trôi êm đềm. Chắc cũng giống như tâm trạng của cư dân bên những ga xép đường xe lửa, lâu lâu một chuyến tàu ghé lại năm mười phút rồi lại ra đi mất hút, bỏ lại con đường sắt kéo dài đến chân trời; nhất là ban đêm khi tàu tốc hành không ghé lại nên chỉ thấy những ánh đèn toa nối liền toa mất vào tối đen. Những ai tình cờ có một thời gian ngắn sống ở quận lỵ ven sông Cửu Long, hoặc một thời gian ngắn trú ngụ tại một ga xép tỉnh Bình Thuận chẳng hạn, chắc đã biết nổi rộn rã và nổi ngậm ngùi khi có con tàu thủy hay chuyến xe lửa tới rồi ra đi, mặc dù chẳng lý biệt đưa tiễn ai. Chắc là tâm trạng sợ sự trầm lặng và hoang vắng. Có nhiều câu ca dao về tình trai gái liên hệ với bối cảnh hai tuyến tàu hành khách trên sông Cửu Long.

Sinh hoạt xuống ghe trên sông thấy trong ký sự phim ảnh chắc có những điều vẫn còn giống với ngày xưa, dĩ nhiên cũng có lắm điều khác hẳn. (DVD “Du Ngoạn Long Xuyên Rạch Giá Hà Tiên”, sản xuất do Rainbow Entertainment).

*Chừng nào Chợ Quán hết voi  
Thủ Thiêm hết gạo, em thôi đưa đò  
Bấp non mà nướng lửa lò  
Đố ai ve đượ con đò Thủ Thiêm.*  
(Ca dao)

Người nào đặt câu ca dao này như đã tiên tri từ bảy tám chục năm trước, quả bây giờ Chợ Quán đã mai một địa điểm chuyên bán voi, vì chỉ còn rất ít người ăn trâu cần voi. Chợ Quán, nhớ năm 1967, vẫn chỉ là một chợ nhỏ nằm bên bờ kinh Tàu Hủ. Nó cũng đã khang trang với nhà lồng chợ xây gạch ngói, bán đủ thứ hàng hóa như không chuyên một thứ nào, hai bên chợ và sát kinh Tàu Hủ còn chồng chất nhiều nông sản từ Lục Tỉnh do ghe tàu chuyển lên. Bên kia bờ Kinh, nhà cửa chưa được xây cất quy mô như phố thị, chắc phần lớn do người lánh nạn chiến tranh từ Lục Tỉnh lên Sài Gòn. Theo đà phát triển và tăng gia dân số đã hơn bốn mươi năm rồi, chưa có dịp qua đó, nên chắc chắn bây giờ trở lại ta nhìn không ra. Còn Thủ Thiêm là vùng đất thấp, khi thủy triều sông Sài Gòn lên thì nhiều nơi quá trũng bị ngập nước, và chưa đọc được tài liệu nào kể nơi đây sản xuất nhiều lúa gạo, vậy không hiểu sao nông sản này được ca dao nói đến. Nếu như xưa kia có nhiều gạo thì quả đã tiên tri bây giờ Thủ Thiêm mất hết đồng ruộng, vì nơi đây đang xây thành khu vực đô thị mới của Sài Gòn. Hiện giờ đò Thủ Thiêm vẫn còn, nhưng sẽ ngưng hoạt động khi nào hầm qua sông hoàn thành. Hầm tối tân làm rạn rở cho kỹ thuật cầu cống Nhật, chỉ một phần đóng góp của Việt Nam (miệng hầm qua từ phía Sài Gòn trong khu vực cầu Calmette đến cầu

Khánh Hội). Còn cầu Thủ Thiêm đã xây xong. Cầu đồ sộ làm rạng rỡ cho kỹ thuật cầu cống Trung Quốc, cũng chỉ một phần đóng góp của Việt Nam (đầu cầu phía Sài Gòn ở tại vị trí xa hơn Thị Nghè một chút). Xa lộ Đông Tây nối quốc lộ đi Lục Tỉnh tại vị trí gần Bến xe Miền Tây hiện tại, nó chạy dài qua Thủ Thiêm (nay là Quận 2 của Sài Gòn) rồi nối vào Xa lộ Biên Hòa (nay là Xa Lộ Hà Nội) tại vị trí Ngã Ba Cát Lái. Xa lộ Đông Tây chạy dọc dài theo Kinh Tàu Hủ rồi dọc dài Rạch Bến Nghé và chui qua sông Sài Gòn, làm di dời bao nhiêu nhà dân Sài Gòn sinh sống vui buồn qua bao thăng trầm sang hèn có khúc có lúc. Không biết xa lộ có phá bỏ những công trình xây dựng cũ nhưng thật đáng bảo tồn làm di tích cổ đối với Sài Gòn chỉ mới 300 năm, như cầu sắt Chữ U đen một màu gây ấn tượng, hay cầu Chữ Y ngự trị tại chỗ giao nhau giữa Kinh Tế và Rạch Bến Nghé (cả hai lấy nước từ sông Sài Gòn); hay Chợ Quán chợ Cầu Kho một thời kỷ niệm qua bài hát vui của Trần Văn Trạch. Chợ cầu Ông Lãnh đã giải tỏa có còn chứng tích gì không ở cuối đường Nguyễn Thái Học, nhưng ở gần đầu đường này nơi ngã tư Nguyễn Thái Học và Trần Hưng Đạo chắc không còn nhà sách Yếm Yếm Thư Trang của thi sĩ Đông Hồ và trường trung học tư thục Lê Tấn Thành (cả hai thấy ở đó vào năm 1955 hay 1956, đối diện bên kia đường là Trường Nam Tiểu học công lập Phan Văn Trị, và Trường Nữ Tiểu học công lập Tôn Thọ Tường thì cũng gần đó). Phà Thủ Thiêm hiện vẫn còn với 80 nhân viên, chia làm hai ca làm việc, mỗi ca liên tục 48 giờ. Nhưng đò Thủ Thiêm trên đó có bán bắp nướng và những cô lái chèo đò từ xóm nghèo Thủ Thiêm thì mất hình bóng từ lâu, trước 1975 đã không thấy rồi. Ông Ngô Văn Chơn, nay 83 tuổi, làm tài công phà Thủ Thiêm đến mấy chục năm, bây giờ về hưu đứng trên phà nhìn về Bến Bạch Đằng đèn

đêm vẫn rực rỡ như thuở nào, thêm huyền ảo với những tàu nhà hàng nổi từ từ rời bến khởi hành du ngoạn trên sông. Đèn điện xanh đỏ bao giờ cũng huy hoàng, nhưng dưới ánh điện kinh thành thì thời nào và bất cứ nơi đâu cũng đều chất chứa bao nhiêu là tương phản về cuộc sống giữa người với người, dù có thêm những nhà hàng nổi không từng có trước 1975. (DVD “Sài Gòn-Nha Trang 2” do Rainbow Entertainmet, và DVD “Ăn nhậu, Vui chơi, Giải trí” do Trung Tâm Quê Tôi sản xuất).

*Tiêm Vương (vua nước Xiêm) tiếp đãi Nguyễn Vương (Nguyễn Ánh, sau lên ngôi niên hiệu Gia Long) và sai hai tướng là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem hai vạn quân cùng 300 chiếc thuyền sang giúp... Quân Tiêm La sang lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc. Khi đánh ở Mân Thít (đánh với quân Tây Sơn), Châu Văn Tiếp (tướng của Nguyễn Ánh) bị thương nặng mà mất...*

(Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược, chương 8, quyển 4 – Xin tạm dùng sử liệu thay cho một câu thơ về Sông Mân Thít chưa sưu tầm được)

Khi học trung học đến đoạn sử với những biến cố quân Tiêm La (Thái Lan), nhân cơ hội câu viện của Chúa Nguyễn Ánh, họ kéo sang chắc trong mưu đồ lớn hơn cho nước Xiêm. Lúc ấy ta mừng tượng thật xa với những nơi như Mân Thít, Trà Ôn. Sau mới biết cũng không xa lạ nếu ta từng ở vùng phụ cận Vĩnh Long. Sông Mân Thít bắt nguồn từ sông Cổ Chiên ở Bến Tre (một nhánh của sông Tiền Giang) rồi nối với một kinh đào đâm qua Hậu Giang. Gần như ở vào khoảng rộng nhất giữa Tiền Giang và Hậu Giang, nên sông Mân Thít cũng khá dài, từng là nơi xảy ra các trận thủy chiến lịch sử giữa quân Tây Sơn và quân Chúa Nguyễn Ánh, đưa đến cái chết của Châu Văn Tiếp. Sông Mân Thít theo hướng con kinh đào ấy

chảy vào Hậu Giang ngay tại mũi đất nhô ra thuộc phố chợ Trà Ôn, nơi tướng Nguyễn Cao Kỳ có lần bất thần tới khánh thành khu trù mật (không nhớ tên) thuộc địa phận gần ở nơi đây, nơi tướng Lê Văn Hưng từng làm quận trưởng (lúc ấy chỉ mới là trung úy). Giữa dòng Hậu Giang rộng lớn có Cù Lao Mây vườn cây sầm uất trực diện với thị trấn Trà Ôn, và qua khỏi Cù Lao Mây phía bên kia bờ Hậu Giang là thị trấn Cái Côn, từ Cái Côn lại có kinh dài suốt tới Cà Mau. Thấy toàn là xa xôi, mà kể ra như trên thì thấy đến Cà Mau bằng đường sông nước cũng dễ đi. Trên bản đồ Việt Nam khổ lớn treo tường của Tạp chí Mỹ National Geographic Magazine, số ấn hành năm 1967, các địa danh quanh sông Mân Thít (người địa phương nói là sông Mang Thích) như Ba Càng, Tam Bình, Trà Ôn đều có ghi rõ. Vì thời chiến tranh trước 1975, đây là những thị trấn chiến lược cho cả đôi bên. Trong tầm nhìn phòng thủ chiến lược của Hoa Kỳ: Ba Càng gần chính giữa trục lộ Vĩnh Long-Cần Thơ nằm trên tuyến tuần tiễu cho cơ giới và đồn bót; Trà Ôn, Tam Bình, Cái Mơn cách khoảng nhau trên sông Mân Thít nằm trên tuyến tuần tiễu cho tàu khinh tốc của hải quân Hoa Kỳ. Đồn Ba Càng trên trục lộ thường bị tấn công, các sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa về đây làm đồn trưởng để có dịp lập chiến công mà cũng dễ tử trận. Tương truyền có một đại úy đồn trưởng người gốc Miền rất gan dạ. Có khi trận đánh đồn chiếm xe lương thực diễn ra giữa ban ngày, giữa khi xe đò hành khách xuôi ngược (thời chiến mà không lúc nào thừa thớt); có cả phản lực cơ Mỹ từ phi trường Trà Nóc Cần Thơ đến tiếp cứu. Khi trận đánh kết thúc, xe đò được phép thông thương, thấy có những xác người cháy đen trên xe quân xa chuyên chở gạo. Ta tự hỏi, nếu lấy được số lương thực gồm mấy xe vận tải nhà binh ấy thì quân Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (danh xưng thời

chống nhau với Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa) làm sao đem đi khi mà cơ giới thiết giáp từ hai phía Vĩnh Long-Cần Thơ đến phản công, làm sao tránh được máy bay khi di chuyển lương thực trên sông rạch trống trải. Phải chăng nếu thành công họ sẽ cho chôn gấp lương thực ở một khu vườn ruộng nào đó rồi tản mác theo kiểu đánh du kích, sau sẽ mang đi lần hồi về phía các mật khu phân bố rải rác quanh sông Mân Thít.. Sông Mân Thít nối với kinh đào có nhiều tàu ghe xuôi ngược, chắc phải chứa nhiều vết tích những trận đánh thời Nguyễn Ánh-Tây Sơn và thời chiến tranh trước 1975, nhưng các dấu xưa ẩn trong lòng đất ruộng vườn chứ không có ở trên cỏ thành hay công sự gạch ngói cho ngàn sau tới tham quan. (DVD “Nhịp Sống Miền Nam 1” do T&T Productions, và DVD “Mêkông Ký Sự” số 18, tiểu tập 78).

*Chiếc cầu thang bao nhiêu lần lên xuống  
Xuống hay lên cũng ngần ấy bậc rồi*

...

*Khu trường rộng một bãi lầy quá lớn  
Ta thấy mình ngày một lún sâu thêm.*

(Hạc Thành Hoa: Bạc Thang Thứ Nhất ở nhà trọ Sa Đéc)

Chủ ý đề cập đến vài hiếm quý bắt gặp ở một ký sự phim ảnh, nhưng qua thơ Hạc Thành Hoa làm cho người viết bài nhớ lại con sông thân mật chảy qua Sa Đéc, đó là một nhánh từ Tiền Giang rẽ vào thành phố, nhánh sông vừa phải nên phố lều hai bên sông trông thấy rõ nhau. Nhất là phố lều bên này buôn bán sầm uất, mùa xuân thầy giáo cô giáo dẫn học sinh đi lấy quảng cáo không khó khăn, nhờ vậy mà ấn phí in báo Tết cho trường được trang trải. Bên này, tức là phía bên có nhà trọ của nhà thơ Hạc Thành Hoa (anh người Thanh Hóa, có một số thơ đăng trên Tạp chí Văn, thời chủ bút là Trần Phong Giao; tên thật là Nguyễn Đường

Thai; giáo sư Việt Văn ở vài trường Thị xã Sa Đéc. Tập thơ anh được in lại năm 2006 do Thư Quán Bản Thảo ở New Jersey). Chỗ trọ của anh trong thành phố Sa Đéc là một căn nhà cổ, khá đồ sộ; căn phòng phía anh mượn chắc bỏ lâu ngày và có trần nhà rất cao nên vài con dơi đến trú ngụ cùng người. Cứ hoàng hôn trời vừa sập tối, anh lấy cây sào tre dài, quất qua quất lại phía trên trần thì thế nào cũng có vài con dơi trúng sào mà rớt xuống. Thành phố Sa Đéc bây giờ rất nhiều người trên thế giới biết đến, nhất là người Pháp, nhờ cuốn phim “The Lover” (phổ biến năm 1992) quay vài bối cảnh tại đây, và có vườn hoa quy mô mà Tổng Thống Pháp Jacques Chirac từng đến thăm (khi ông còn là đô trưởng Paris từ 1977 đến 1995). Mặc dù vườn hoa hồng này quy mô, xuất khẩu hoa hồng sang vài thị trường thế giới, có đến 1500 gia đình nương tựa nhờ nghề trồng hoa tại đây; nhưng cựu Tổng Thống Pháp có lẽ muốn đến Sa Đéc cho biết trường Nữ Tiểu Học tại thị xã, nơi mẹ của nhà văn Marguerite Duras dạy học tại đây trong thập niên 1920. Ngôi Trường Nữ Tiểu Học bây giờ thấy qua phim ảnh được chăm sóc khang trang, vì là điểm thu hút du lịch nhờ cuốn phim The Lover (Người Tình – L’amant). Mẹ của nữ sĩ (Marguerite Duras có tên trong văn học Pháp) là một người Pháp nghèo, không phải giàu có như phần lớn thực dân Pháp tại Việt Nam trước đây. Nhà văn Marguerite Duras (sinh năm 1914 tại Gia Định, mất năm 1996 tại Paris) còn có cuốn sách cũng từ bối cảnh Đông Dương, cuốn “*Con đê ngăn cản Thái Bình Dương*” (*Un barrage contre le Pacifique*), nói về gia đình Pháp kiều nghèo khổ của cha mẹ bà có một thời phải canh tác sinh sống nơi cánh đồng nhiễm mặn ở gần biển, mà chính quyền thực dân Pháp lúc đó cũng lơ là không giúp đỡ. Còn cuốn Người Tình (The Lover – L’amant) là tiểu thuyết gần như tự truyện đời

của bà lúc mẹ làm cô giáo ở Sa Đéc, bà lên trọ học ở Sài Gòn, có người tình là một công tử người Hoa ở Chợ Lớn; với lần đầu làm quen trên chuyến phà qua sông Cửu Long ở bắc Mỹ Thuận. Coi cuốn phim, ta thấy gần gũi do nhà làm phim Pháp đã nhờ nhà văn Sơn Nam cố vấn về bối cảnh và cách ăn mặc của người Việt ở Miền Nam thời thập niên 1920; gần gũi với cảnh học tiểu học ở Sa Đéc, cảnh nhộn nhịp kiêu xư trên phà qua sông Mekong, cảnh sáng tinh sương và tửu lâu sang trọng nơi phố Tàu Chợ Lớn, cảnh nữ sinh Pháp trọ học ở Sài Gòn; cảnh tàu viễn dương rời bến tại bờ sông Sài Gòn... Phố Sa Đéc ngày nay, Marguerite Duras, Trường Nữ Tiểu Học xưa, ngôi nhà khá giả của công tử người Hoa thuở trước tại thị xã này, vườn hoa hồng quy mô ngày nay ở Sa Đéc, xin xem hai DVD: Mekong Ký Sự tập 17 tiểu tập 72 (do TL productions), và DVD: Du Lịch Việt Nam, đĩa 2, đề mục Về Đồng Tháp (do Star Music Productions).

*Thuyền xuôi Châu Đốc*

*Thả xuống Vàm Nao*

*Thăng tới Ba Sao*

*Coi chừng nước chảy.*

(Ca dao)

Nếu sông Mân Thít thông giao ở chỗ khoảng cách rộng nhất giữa hai dòng Hậu Giang và Cổ Chiên (một nhánh chảy song song của Tiền Giang), trong địa phận hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre; thì đoạn hẹp nhất giữa hai dòng Tiền Giang-Hậu Giang được thông giao bằng sông Vàm Nao ở trên thượng lưu, thuộc tỉnh An Giang. Sông Vàm Nao chỉ dài độ hai cây số, nhưng rộng không kém Tiền Giang hoặc Hậu Giang. Tương truyền, thuở trước sông Vàm Nao chỉ là con đường trâu lội từ bờ dòng này sang bờ dòng kia. Vào mùa nước nổi, cuông lưu từ Kampuchia đổ xuống Cửu Long, phân phối nước lũ vào đường mòn, cứ xé rộng và đào sâu nó thành con sông rộng. Bây giờ cứ



mùa lũ (hay mùa nước nổi) thì sức mạnh thiên nhiên này vẫn tiếp tục, chỗ nước Tiền Giang và Hậu Giang dồn vào và gặp nhau tạo thành vùng nước xoáy dữ dội tại Ba Sao. Nơi này còn có tên rất chữ nghĩa do người giỏi Hán Tự đặt ra là Hôi-Hoa-Thủy (Nước-Xoáy-Tròn). Có thể tin là ngày xưa nó là con đường trâu lội, căn cứ theo truyện ngắn “Mùa Len Trâu” của Sơn Nam: mùa nước nổi đàn trâu đi tránh lũ di chuyển hàng hai ba trăm con. Trâu của mỗi nhà ở vùng trũng An Giang được cho chặn đất cùng một lúc, tập hợp lên vùng cao để tạm trú quanh Bảy Núi. Cỏ thì phải đi cắt đi mua để nuôi chúng. Lội hàng trăm con qua thời gian tiếp diễn thì làm sao đường mòn không biến thành sông, lại thêm sức đào sâu do nước dồn của hai dòng sông lớn. Sông Vàm Nao đã đủ rộng trang trải bớt nước dồn, nhưng đến chỗ Ba Sao tàu ghe vẫn rất thận trọng. Nằm trên trục Tiền Giang và đối diện nhau hai bên sông Vàm Nao là xã Hòa Hảo phía trên và xã Chợ Mới phía dưới. Trên và dưới theo hướng thượng lưu và hạ lưu sông Cửu Long. Xã Hòa Hảo, nơi phát sinh Phật Giáo Hòa Hảo của Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, khởi thủy vào năm 1939. Gần xã Chợ Mới và ở giữa dòng Tiền Giang là Cù Lao Ông Chưởng rất lớn (ta nghe tưởng nhỏ do từ ngữ cù lao). Cù lao, hòn, đảo, cồn ở trên sông, mỗi địa phương ở Việt Nam hiểu khác nhau theo cách dùng quen cho từng miền. Ví dụ Cồn Hến khá lớn trên sông Hương thì gọi cồn, nhưng những mảnh đất nổi gần đó chỉ nhỏ thôi mà gọi là đảo. Những đảo khá lớn trên Vịnh Thái Lan xung quanh Cà Mau thì người địa phương quen gọi hòn, như Hòn Rái, Hòn Tre, Hòn Khoai, Hòn Nam Du... Tương đương diện tích, sao không gọi Cù Lao Ông Chưởng là cồn như Cồn Phụng (Phoenix Island), Cồn Lân (Unicorn Island, còn có tên Cồn Thới Sơn) trên sông Tiền Giang (chỗ đang xây Cầu Rạch Miễu bắc qua sông Tiền Giang

xuyên suốt qua hai cồn). Đủ độ vững chắc để gánh chịu những trụ lớn cho cầu xuyên qua Cù Lao Ông Chưởng, xem như vậy thì cồn bề thế tương đương với đảo. Cù Lao Ông Chưởng (thiền nghĩ nên gọi là Cồn Ông Chưởng), tên đặt để tưởng niệm Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh (chức vụ có lẽ tương đương như Thống Soái, Đại Tướng). Thừa lệnh Chúa Nguyễn đem quân đi đàn xếp những bất ổn nội bộ ở triều đình Nam Vang, xong nhiệm vụ Nguyễn Hữu Cảnh trở về nghỉ dưỡng quân tại Cù Lao này. Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (đại thần thời Chúa Nguyễn, quê quán Quảng Bình) rải rác khắp nơi ở Miền Nam, như tại Chợ Lớn, Châu Đốc, Long Xuyên, Biên Hòa... Bất cứ đâu có bóng dáng ông trên bước đường phục vụ ở Miền Nam, như chỗ ông dừng lại đóng quân, chỗ ông ghé thăm dân tình, chỗ ông thọ bệnh và mất... nhất nhất đều có đền thờ nhớ công ơn ông vạch đường đi mở cõi phương Nam. “*Chiều chiều quạ nói với diều/ Cù Lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm*”, ca dao xưa nói về sự ê hề sản vật thời còn là Thủy Chân Lạp sinh lầy chướng khí, lúc vừa mới được Hoàng Hậu Ngọc Vạn cho dân Việt đến khai khẩn lập nghiệp. Ngọc Vạn là con gái Chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả cho vua Kampuchia, và vua này chỉ coi trọng vùng đất cao Lục Chân Lạp mà thôi. Nhưng của cải thiên nhiên khai thác quá mức và thiếu kế hoạch bảo vệ sinh sôi trong môi trường tự nhiên, bây giờ không ê hề nữa, phải đổi chiều đánh bắt thiên nhiên sang nuôi dưỡng thủy sản. (DVD “Việt Kiều Về Quê Ăn Chơi 9” do Vina Productions, và DVD “Mêkông Ký Sự”, số 16, tiểu tập 70).

*Linh đình bèo nước biệt về đâu  
Đậu bến An Giang thấy những rêu  
Bảy-Núi mây liền, chim nhíp cánh  
Ba dòng nước chảy, cá vênh rêu.*  
(Thơ Phan Văn Trị)

Những câu thơ trên của Phan Văn Trị làm ta bị ám ảnh mơ hồ cảnh trời nước mênh mông trong mùa nước nổi (là mùa nước lớn hằng năm từ Biển Hồ dồn về sông Mekong ở Kampuchia, rồi dồn về hai nhánh Tiền Giang-Hậu Giang, tràn ngập vào hai vùng trũng lớn ở An Giang và Đồng Tháp Mười). Nhờ thấy cụ thể qua các ký sự phim ảnh mới đây nên ta không còn mơ hồ tưởng tượng. Các ký sự phim ảnh, có cái quay hậu cảnh là dãy Bảy-Núi (Thất Sơn) xa xa ở chân trời, tiền cảnh là những hàng cây thốt nốt ngập đến lưng chừng thân cây; có cái quay rõ ràng khi xe hơi chạy trực diện Núi Cấm (ngọn núi cao nhất của Thất Sơn) với hình dạng một khối khá dài như nửa vỏ đậu phộng nằm úp xuống; có cái thì quay từ núi Cấm nhìn xuống kinh Vĩnh Tế vạch một đường dài làm biên giới giữa Kampuchia và Việt Nam. Nước lũ từ vùng trũng Đồng Tháp Mười sẽ phân phối vào Tiền Giang, vào sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Nước lũ từ vùng trũng An Giang sẽ phân phối về nhánh Hậu Giang, mặc dù Hậu Giang vĩ đại nhưng cũng không kham nổi, cho nên vùng trũng An Giang đành tháo bớt nước về hướng Tây nương nhờ vào thế đất thoải chảy vào Vịnh Thái Lan. Phải chăng đây là sự phí phạm trầm trọng nước ngọt vì chưa có hồ chứa nước vĩ đại nào tích trữ để dành cho mùa khô hạn? Thực sự Thất Sơn có khá nhiều núi hơn là chỉ có bảy núi, con số bảy có vẻ huyền bí theo thuật phong thủy. Cũng như ta thường bắt gặp những con số ước chừng thuộc về viễn cảm, chẳng hạn trong lời tiên tri: *“Hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân”*. Còn các nhà thơ thì thường thi hoá các con số có dư âm sâu thẳm như *“nghìn xưa nổi nghìn sau”* (sự thực nghìn còn quá nhỏ so với hơn bốn tỉ năm tuổi của Trái Đất); hoặc có dư âm hùng vĩ như *“trường giang vạn dặm”* (thực sự trên Trái Đất không có con sông nào dài đến mười ngàn

dặm, dài nhất là sông Amazon ở xứ Brazil chỉ có 3900 dặm). Núi Cấm ở Thất Sơn cao hơn 500 mét, có 200 gia đình sinh sống trên núi cho dịch vụ du lịch. Trên đỉnh núi Cấm có hòn đá lớn nhô lên chơ vơ gọi là Vô-Đầu, đó là nơi giao nhau giữa Trời và Đất; người ta đến đó để cúng Cửu Huyền Thất Tổ (con số chín cũng gọi biết bao thần bí). Người viết bài đã có lần di chuyển trong vùng này, bằng đường xe hơi chạy quanh co, nhưng cũng có khi trực diện với núi Cấm ở xa xa nên thấy nó như nửa vỏ đậu phộng úp xuống, rồi xe chạy qua các làng mạc sát biên giới Kampuchia; qua các nhà cận bên đường, nghe toàn tiếng nói lạ tai và thấy nhiều chùa tháp rực rỡ kiểu Khmer, nên biết dân cư ở đây đa số là người Việt gốc Miên. Và chẳng bao lâu thì xe đến xã Ba Chúc, nơi có chùa kiểu Việt và khu tưởng niệm lớn để lưu giữ hài cốt của mấy trăm dân làng người Việt đã bị quân Pol Pot tràn qua tàn sát. Ta từng đã đọc vài truyện ngắn rồi mường tượng cảnh mênh mông trong mùa nước nổi ở An Giang; hoặc đã từng coi phim *“The buffalo boy”* quay cảnh thực của mùa này ngay ở vùng Bảy Núi, nay có thêm ba ký sự phim ảnh quay thêm nhiều khía cạnh của miền trời nước bao la đó, nhờ vậy sự hình dung trong tâm trí ta chắc sẽ được điều hợp. (Từ Núi Cấm nhìn xuống An Giang, có trong DVD *“Việt Kiều Về Quê Ăn Chơi số 13”* do Vina Productions; hậu cảnh Thất Sơn ở chân trời trong mùa lụt, có trong DVD *“Du Ngoạn Miền Tây số 1”* do Trống Đồng Entertainment sản xuất; và đi xe trên đường để trực diện Bảy Núi, có trong DVD *“Du Ngoạn Miền Tây Sông Nước Miền Nam số 1”* do Rainbow sản xuất.

TRẦN VĂN NAM

*Walnut, California, trích lại từ các bài viết năm 2008 và 2009*